

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 08/9/2020

V/v Tranh chấp HNGĐ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Thẩm phán:* Bà Hoàng Lan Phương  
Bà Lê Thu Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐ-PT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Trương Trọng C, sinh năm: 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, phường C, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, phường C, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị đơn:*** Chị Tô Thị T, sinh năm: 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, Phường C, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***Người kháng cáo:*** Bị đơn chị Tô Thị T.

Tại phiên tòa có mặt hai bên đương sự.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Trương Trọng C trình bày như sau:***

***Về hôn nhân:*** Anh và chị Tô Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tĩnh Gia (nay là UBND phường C,

thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/02/2010. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, cô T nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người khác, không quan tâm đến gia đình, nên trong cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cuộc sống không hạnh phúc đôi khi còn xảy ra bạo lực gia đình. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị T cũng đã nhiều lần tìm đến nơi anh ở gây sự làm mất trật tự trị an, anh cũng đã báo chính quyền đến giải quyết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Tô Thị T.

*Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung là cháu Trương Trọng Tấn P, sinh ngày 17/10/2010 và cháu Trương Trọng Đ, sinh ngày 07/4/2014. Anh C có nguyện vọng xin nuôi cả hai con. Tại phiên hòa giải lần hai anh xét thấy các cháu đều đang ở với chị T, bản thân anh không muốn các con tách rời nhau nên anh đồng ý để chị T nuôi cả hai cháu và đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh lại có nguyện vọng nuôi cháu Tấn P và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Chị Tô Thị T trình bày tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải và phiên tòa như sau:***

*Về hôn nhân:*Chị thống nhất với lời trình bày của anh C về thời gian và địa điểm kết hôn cũng như phần con chung. Tuy nhiên, theo chị nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có niềm tin vào nhau, anh C nghe lời người ngoài về nghi ngờ chị và bố đẻ anh C có quan hệ bất chính với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đôi khi còn xảy ra đánh nhau. Anh C không tôn trọng chị, dẫn đến tự ý quyết định mọi việc trong gia đình, trong cuộc sống hàng ngày chị và anh C không có sự chia sẻ với nhau, vợ chồng chị cũng mới sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Tại bản tự khai ngày 27/02/2019, chị đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng tại bản tự khai ngày 24/3/2020 và các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị xác định anh C vẫn còn tình cảm đối với chị nhưng đó chỉ là suy đoán của chị. Bản thân chị vẫn còn tình cảm và muốn đoàn tụ nhằm mục đích để nuôi dạy các con, tuy nhiên chị cũng xác định chị không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình.

*Về con chung:* Chị thống nhất về số con, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con như anh C trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng để anh C nuôi cháu Tấn P còn chị nuôi cháu Trọng Đ và cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Tại bản tự khai ngày 27/02/2020, chị có đề nghị Tòa giải quyết phần công nợ chung của hai vợ chồng, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 24/3/2020 và tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa chị xin rút lại yêu cầu giải quyết về tài sản và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Tấn P tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa muốn ở với bố.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

***Bản án số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng:***Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273BLTTDS; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; khoản 2 Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Trọng C

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trương Trọng C được ly hôn với chị Tô Thị T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh C và chị T; Giao cháu Tấn P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trọng Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2020 chị Tô Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn với lý do chị không đồng ý ly hôn, để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Chị Tô Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX xử không chấp nhận kháng cáo của chị T; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm, chị T phải nộp án phí DSPT.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi các đương sự tranh luận và Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị T kháng cáo không đồng ý ly hôn anh C, vì theo chị T thì chị vẫn còn tình cảm với anh C, nhưng chị cũng thừa nhận là anh C không còn tình cảm với chị, vợ chồng không còn niềm tin với nhau, anh C có quan hệ ngoại tình, không tôn trọng chị, từ tháng 12/2019 vợ chồng ly thân. Mặt khác, chị T cho rằng mục đích chị kháng cáo xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con.

Xét thấy, chị T khẳng định chị vẫn còn tình cảm với anh C, lý do chị xin đoàn tụ để nuôi dạy con là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, chị thừa nhận trong cuộc sống chị chưa chăm sóc chồng con chu đáo, chị nghi ngờ anh ngoại tình, anh không tin tưởng chị nên không giao cho chị giữ tiền. Khi vợ chồng có mâu thuẫn chị T không nhận thức được những sai sót của mình để thay đổi cho cuộc sống vợ chồng được hòa thuận. Chị T cho rằng chị vẫn còn tình cảm với anh C nhưng từ khi vợ chồng mâu thuẫn (năm 2018) đến tháng 12/2019 thì ly thân, như vậy trong suốt thời gian dài chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng phải ly thân, sau khi ly thân chị cũng không có biện pháp gì để thuyết phục anh quay về, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Việc chị nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình nhưng tại phiên tòa chị cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C không đồng ý vợ chồng đoàn tụ như kháng cáo của chị T vì cho rằng vợ chồng thực sự không còn tình cảm. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T, Tòa sơ thẩm đã xử cho anh chị ly hôn là phù hợp pháp luật.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: chị T phải nộp 300.000đ, vì án không được sửa, chị T đã nộp đủ.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Tô Thị T giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ, đã nộp đủ tại Biên lai thu số 4861 ngày 13/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TX. Nghi Sơn;
- Chi cục THADS TX. Nghi Sơn;
- UBND phường C, TX Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Nga**